

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 387/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 30/10/104 đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Chị Lê Thị Hương L, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 30/10/104 đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H;

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện P, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L tìm hiểu được hai năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 30/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ số 30/10/104 đường Đ, phường T, thành phố H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do là do anh Q ham chơi không quan tâm gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Nên từ tháng 7/2020, chị Lê Thị Hương L đã đưa con về nhà cha mẹ chị tại thôn L, xã T, huyện P, tỉnh Q để ở. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên anh Nguyễn

Trọng Q và chị Lê Thị Hương L cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế. Nên cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng Anh Q, sinh ngày 28/11/2018. Hiện nay, cháu Nguyễn Trọng Anh Q đang ở với chị Lê Thị Hương L. Nay thuận tình ly hôn, Anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Trọng Anh Q, sinh ngày 28/11/2018 cho chị Lê Thị Hương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Trọng Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trọng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Trọng Anh Q mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Trọng Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn, nên cần áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh, chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 7 năm 2023, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng Anh Q, sinh ngày 28/11/2018 cho chị Lê Thị Hương L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Trọng Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trọng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn là cháu Nguyễn Trọng Anh

Q mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Trọng Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005964 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị Hương L đã nộp đủ lệ phí, nay không phải nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
 - VKSND thành phố H;
 - Chi cục THADS thành phố H;
 - UBND phường T, thành phố H
- (Chị L, anh Q ĐKKH số 77/2018 ngày 30/7/2018)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ việc dân sự;
 - Lưu án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn (đã ký)